

Số: 203/QĐ-MICCO

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch thuê, Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp “Kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty”

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí;

Căn cứ Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/8/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 3069/QĐ-MICCO ngày 04/10/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin về việc ban hành quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên liên tục trong Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ-Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-MICCO ngày 26/10/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin về việc phê duyệt Đề cương dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp công việc: Tư vấn lập, tư vấn thẩm tra

kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty giai đoạn chuẩn bị thực hiện;

Căn cứ Kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty do Trung tâm Công nghệ số Quốc gia lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra Kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty do Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin lập.

Xét tờ trình của Tổ chuyên gia ngày 02/01/2024 về việc xin phê duyệt Kế hoạch thuê, Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty, Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định đấu thầu Tổng công ty ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thuê, Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp “Kế hoạch thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty” các nội dung chủ yếu như sau:

I. Nội dung kế hoạch thuê:

1. Tên dịch vụ: Thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty

2. Đơn vị chủ trì thuê: Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin.

3. Đơn vị tư vấn lập Kế hoạch thuê: Trung tâm Công nghệ số Quốc gia

4. Địa điểm thực hiện: Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin (Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội).

5. Mục tiêu: Có một hệ thống phần mềm đảm bảo thu thập, quản lý, vận hành và lưu trữ được đầy đủ, thống nhất và xuyên suốt hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý toàn Tổng công ty. Giúp cho Lãnh đạo Tổng công ty, phòng ban, đơn vị có được những thông tin tổng thể đầy đủ, kịp thời để lãnh chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Quy mô triển khai: Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

7. Thời gian thực hiện: 05 năm từ 2024-2029

8. Dự toán thuê dịch vụ: **8.802.264.000 đồng**, trong đó

- Chi phí thuê dịch vụ: 8.059.828.755 đồng

- Chi phí quản lý : 116.002.000 đồng

- Chi phí tư vấn : 270.540.780 đồng

- Chi phí khác : 268.740.960 đồng

- Chi phí dự phòng : 87.151.125 đồng

(Có biểu chi tiết phụ lục kèm theo)

*** Phân kỳ thực hiện:**

- Năm 2024 - 2025: 3.944.210.000 đồng.
- Năm 2025 - 2026: 1.185.513.215 đồng.
- Năm 2026 - 2027: 1.185.513.215 đồng.
- Năm 2027 - 2028: 1.185.513.215 đồng.
- Năm 2028 - 2029: 1.185.513.215 đồng.

9. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh Tổng công ty.

10. Hình thức quản lý: Tổng công ty trực tiếp quản lý, thực hiện.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp (Có biểu chi tiết phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao phòng CLPT-CNTT chủ trì phối hợp với các phòng chức năng Tổng công ty tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1, giao tổ thẩm định đấu thầu Tổng công ty theo QĐ số 504/QĐ-MICCO ngày 18/3/2021 thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 4 “Thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty” đúng quy định.

Điều 3. Phó Tổng giám đốc phụ trách CNTT, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng: CLPT-CNTT, ĐTXD, TKKTTC, KTNBTT, Tổ thẩm định đấu thầu, Tổng công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: FE

- Như điều 3;
- HĐTV TCT (e-copy, đề b/c);
- Lưu: CLPT-CNTT, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Hồng Quang

Bảng số 1

TỔNG DỰ TOÁN

Phụ lục kèm theo QĐ số 203 QĐ/MICCO ngày 12/01/2024

Kế hoạch thuê dịch vụ phân mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty

Đơn vị tính: đồng



TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ (Gdv)		8.059.828.755	-	8.059.828.755
1	Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng	Diễn giải chi tiết tại Bảng số 02	8.059.828.755	-	8.059.828.755
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ (Gql)	Chi tiết tại Bảng số 03	116.002.000	-	116.002.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN (Gtv)		250.500.722	20.040.058	270.540.780
1	Chi phí lập kế hoạch thuê dịch vụ CNTT	Trọn gói theo hợp đồng số 01-2023/MICCO-TTCNSQG ngày 22/11/2023	208.333.333	16.666.667	225.000.000
2	Chi phí thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ CNTT	Trọn gói theo hợp đồng số 02-2023/MICCO-VITE ngày 21/11/2023	10.251.389	820.111	11.071.500
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị, phần mềm	Chi tiết tại Bảng số 03	31.916.000	2.553.280	34.469.280
IV	CHI PHÍ KHÁC (Gk)		265.198.000	3.542.960	268.740.960
1	Chi phí kiểm thử	Dự toán chi tiết theo Công văn 3787/BTTTT-TTHH (Bảng số 04)	220.911.000	-	220.911.000
2	Chi phí kiểm toán	Chi tiết tại Bảng số 05	44.287.000	3.542.960	47.829.960
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)	1%*(Gdv+Gql+Gtv+Gk)			87.151.125
TỔNG:					8.802.263.620
TỔNG LÀM TRÒN:					8.802.264.000

(Bảng chữ: Tám tỷ, tám trăm linh hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng./.)

[Handwritten signature]



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ
(Phụ lục kèm theo QĐ số 203/QĐ/MICCO ngày 12/01/2024)

TT	Nội dung chi phí	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán			
					Đơn giá (Trước VAT)	Thành tiền (Trước VAT)	Thuế VAT	Thành tiền (Sau VAT)
1	Chi phí dịch vụ (Gr _{dv})	Dự toán chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng tại Điều 6, thông tư 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ TT&TT			76.421.744	4.585.304.656	-	4.585.304.656
1.1	Dịch vụ phần mềm		Gói dịch vụ/tháng	60	76.421.744	4.585.304.656	-	4.585.304.656
2	Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ (G _v)		Gói dịch vụ/tháng	60	19.611.098	1.176.665.900	-	1.176.665.900
3	Chi phí bảo trì dịch vụ (G _{bt})		Gói dịch vụ/tháng	48	1.307.407	62.755.515	-	62.755.515
4	Chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ (G _k)				2.235.102.684	2.235.102.684	0	2.235.102.684
4.2	Chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm cũ lên lên phần mềm mới		Gói dịch vụ	1	1.872.602.684	1.872.602.684	0	1.872.602.684
4.1	Đào tạo hướng dẫn sử dụng		Gói dịch vụ	1	362.500.000	362.500.000	-	362.500.000
TỔNG CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ						8.059.828.755	-	8.059.828.755

CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Phụ lục kèm theo QĐ số 203/QĐ/MCCO ngày 12/01/2024

Chi phí đầu tư xây dựng, phát triển và thành lập dự án công nghệ thông tin (trước VAT): 6.253.510.684 đồng

Chi phí thuê dịch vụ CNTT (trước VAT): 8.059.828.755 đồng

TT	Tên Định mức chi phí	Na		Nb	Ga	Gb	Gt	Hệ số	Nt	Thành tiền (trước VAT)	VAT	Thành tiền
		1	2		3	4	5	6				
1	Chi phí quản lý	1,855			<7.000.000.000		6.253.510.684	1,00	1,855	116.002.000	0	116.002.000
2	Chi phí tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu	0,405	0,336		7.000.000.000	15.000.000.000	8.059.828.755	1,00	0,396	31.916.000	2.553.280	34.469.280

F

**CHI PHÍ KIỂM THỬ**

(Phụ lục kèm theo QĐ số 203 QĐ/MICCO ngày 12/01/2024)

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị kiểm thử	$G = E \times H$	126.307.189	G
2	Chi phí chung	$G \times 65\%$	82.099.673	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G + C) \times 6\%$	12.504.412	TL
4	Chi phí kiểm thử	$G + C + TL$	220.911.274	Gkt
	TỔNG CỘNG	Gkt	220.911.000	

P

CÔNG PHÍ KIỂM TOÁN

(Phụ lục kèm theo QĐ số 203/QĐ/MCCO ngày 12/01/2024)



STT	Nội dung công việc (tính theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	Định mức chi phí theo tổng mức đầu tư (%)		Định mức nội suy (%)	Định mức áp dụng (70% định mức nội suy với dự án có cơ cấu vốn thiết bị chiếm >=51% so với TMDT)	Chi phí chưa VAT (VND)	Ghi chú
		5 tỷ	10 tỷ				
		Kb	Ka				
1	Chi phí kiểm toán Kế hoạch thuế dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty	0,96	0,645	0,726	0,508	44.287.000	

Handwritten signature

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ CUNG CẤP KẾ HOẠCH THUẾ DỊCH VỤ PHẦN MỀM THEO

Biểu số 06

YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA TỔNG CÔNG TY

Bảng tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp

TT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại Hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Gói số 3: Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu	34.469.280	Vốn SXKD	Chỉ định nhà cung cấp	Quý I/2024	Trọn gói	45 ngày (không tính thời gian thẩm định, phê duyệt)
2	Gói số 4: Thuê dịch vụ phần mềm theo yêu cầu riêng phục vụ công tác chuyển đổi số của Tổng công ty	8.059.828.755	Vốn SXKD	Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng) Một giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I,II/2024	Trọn gói (thanh toán theo từng đợt 12 tháng và theo năm kế hoạch)	60 tháng
3	Gói số 5: Tư vấn kiểm thử phần mềm	220.911.000	Vốn SXKD	Chỉ định nhà cung cấp	Quý I,II/2024	Trọn gói	45 ngày
4	Gói số 6: Tư vấn kiểm toán	47.829.960	Vốn SXKD	Chỉ định nhà cung cấp	Quý II-III/2024	Trọn gói	30 ngày
5	Tổng số tiền	8.363.038.995					

2